

Bản án số: 288/2022/HC-PT

Ngày 25 tháng 7 năm 2022

*V/v: Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền
Ông Vũ Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Khúc Thị Hoàng Hạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 539/2021/TLPT-HC ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”, do có kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6315/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Phạm TK, sinh năm 1943; địa chỉ: tổ 1, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh TN; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người TK kiện: Ông Phan ĐH (tức: Phan ĐH), sinh năm 1956; địa chỉ: tổ 22, phường Phan ĐP, thành phố TN, tỉnh TN; có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố TN, tỉnh TN; địa chỉ: số 10, đường Nguy D, thành phố TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND; làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn BS, sinh năm 1955; làm đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bà Đỗ TM, sinh năm 1959; làm đơn xin xét xử vắng mặt.
3. Ông Nguyễn BT, sinh năm 1972; có mặt.

4. Ông Nguyễn B Th, sinh năm 1975; làm đơn xin xét xử vắng mặt.
 5. Bà Nguyễn TH, sinh năm 1973; có mặt.
 6. Bà Nguyễn Thị Hòa, sinh năm 1977; làm đơn xin xét xử vắng mặt.
- Cùng ở địa chỉ: tổ 1, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh TN.
- 4. Người kháng cáo:** Người TK kiện bà Phạm TK.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trình bày của các đương sự, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Người khởi kiện, bà Phạm TK trình bày:

Tại Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/09/2020 của UBND thành phố TN, tỉnh TN đã thu hồi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số Y 195200 ngày 22/09/2003 do UBND thành phố TN cấp cho hộ gia đình bà tại thửa số 160, tờ bản đồ số 10, diện tích 256m², loại đất vườn tại phường TĐ, thành phố TN; lý do thu hồi là Giấy CNQSD đất cấp không đúng nguồn gốc sử dụng đất, không đúng đối tượng sử dụng đất theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai.

Bà trình bày diện tích đất nói trên có nguồn gốc do gia đình bà khai phá, sử dụng ổn định từ những năm 1989 - 1990 cho đến nay và đã được UBND thành phố TN cấp Giấy CNQSD đất Y 195200 ngày 22/09/2003 là hoàn toàn có cơ sở, đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng diện tích đất theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai. Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 thì việc thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp đối với trường hợp này phải do cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 105 của Luật Đất đai quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai nên việc thu hồi là không đúng.

Do đó, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/09/2020 của UBND thành phố TN, tỉnh TN.

Người bị kiện, do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

1. Về giấy tờ sử dụng đất.

Năm 2003, bà Phạm TK kê khai xin cấp giấy CNQSD đất kèm theo là đơn tường trình nguồn gốc sử dụng đất, UBND phường TT (nay là phường TĐ) kiểm tra, xác định nguồn gốc đất do gia đình bà TK khai hoang năm 1973. Ngày 22/9/2003, bà Phạm TK được UBND thành phố TN cấp Giấy CNQSD đất số Y 195200 với tổng diện tích 3620,6 m² đất, gồm 08 thửa đất, trong đó có thửa số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, diện tích 256m² đất vườn.

2. Kết quả xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất tại thửa số 160, tờ bản đồ địa chính số 10 tại phường TĐ, thành phố TN.

Trên cơ sở các loại hồ sơ, giấy tờ có liên quan, UBND phường TĐ tổ chức

hội nghị xác minh về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và lấy ý kiến khu dân cư đối với thửa đất xác định: Thửa đất số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, diện tích 256m² tại phường TĐ, thành phố TN do hộ ông Nguyễn BS và bà Đỗ TM đã sử dụng từ năm 1991, nguồn gốc ban đầu là của Trường Đại học XX sử dụng, sau khi trường chuyển đi thì gia đình ông Nguyễn BS sử dụng.

Hộ bà Phạm TK trình bày đã cho gia đình ông Nguyễn BS mượn đất sử dụng từ năm 1991 và yêu cầu ông Nguyễn BS (bà Đỗ TM) trả lại là không có căn cứ xem xét.

Quá trình cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phạm TK không có biên bản kiểm tra xác minh thực tế, mà chỉ căn cứ vào hồ sơ kê khai dẫn tới sai sót, vì thửa đất này năm 1973 vẫn do Trường Đại học XX quản lý. Việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phạm TK tại thửa đất này là không đúng nguồn gốc, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Hiện trạng trên đất có một số loại cây lâu năm như: mít, nhãn, bưởi do hộ ông Nguyễn BS, bà Đỗ TM trồng và sử dụng. Đối tượng sử dụng đất thửa số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, diện tích 256m² là hộ gia đình bà Đỗ TM, ông Nguyễn BS.

Từ những nội dung xác minh trên, ngày 11/6/2020 UBND thành phố TN có Thông báo số 224/TB-UBND về việc Giấy CNQSD đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK là cấp không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 với lý do: Cấp không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/9/2020, UBND thành phố TN có Quyết định số 7980/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất mang tên bà Phạm TK sử dụng tại phường TĐ, thành phố TN.

3. Quan điểm của UBND thành phố TN.

Không đồng ý nội dung đơn TK kiện của bà Phạm TK về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND, ngày 03/09/2020 của UBND thành phố TN.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Nguyễn BS trình bày: Việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà Phạm TK là không đúng pháp luật. Bà TK khai không đúng quá trình sử dụng đất, tự khai thêm thửa đất số 160 vào danh sách cấp Giấy CNQSD đất để tranh chấp thửa đất do gia đình ông khai hoang từ năm 1991 và sử dụng liên tục. Đề nghị Tòa án căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất của bà Phạm TK đang lưu giữ tại UBND phường TĐ, biên bản ghi ý kiến khu dân cư, các biên bản làm việc của UBND phường TĐ, sơ đồ sử dụng đất của Trường Đại học XX (nay là Đại học Y TN) để làm rõ quyết định của UBND thành phố TN về việc ban hành quyết định thu hồi Giấy CNQSD đất của bà Phạm TK là đúng hay sai.

+ Ông Nguyễn BT, ông Nguyễn B Th, bà Nguyễn TH, bà Nguyễn HH trình bày: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK, đề nghị hủy Quyết định

số 7980/QĐ-UBND ngày 03/09/2020 của UBND thành phố TN.

+ *Bà Đỗ TM*: Không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 31/8/2021, Tòa án nhân dân tỉnh TN đã quyết định:

Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/02/2000; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điểm 4b, Chương 2 Thông tư số: 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK yêu cầu hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND, ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK, sử dụng tại phường TĐ, thành phố TN.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/9/2021, người khởi kiện bà Phạm TK làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của bà, hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN về việc thu hồi Giấy CNQSD đất đã cấp cho hộ gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện có kháng cáo bà Phạm TK vắng mặt.

- Đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày:

+ Thông báo số 224/TB-UBND, ngày 11/6/2020 của UBND thành phố TN về việc thu hồi Giấy CNQSD đất của bà Phạm TK là chưa thoả đáng vì thửa đất là do gia đình khai phá, sử dụng từ năm 1973; hàng năm gia đình đã nộp thuế sử dụng đầy đủ cho Nhà nước và đã được UBND thành phố TN công nhận quyền sử dụng đất bằng Giấy CNQSD đất số Y 195200, ngày 22/9/2003.

+ Giấy CNQSD đất số Y 195200, ngày 22/9/2003 UBND thành phố TN cấp theo Luật Đất đai năm 2003 nhưng khi thu hồi lại căn cứ theo Luật Đất đai năm 2013 là chưa đúng.

+ Việc thu hồi Giấy CNQSD đất của bà Phạm TK do UBND thành phố TN thực hiện khi chưa có kết luận thanh tra cùng cấp, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật là chưa đúng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TK, hủy

Quyết định số 7980/QĐ-UBND, ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn BT trình bày ý kiến: Trường Đại học XX sơ tán lên địa điểm có đất đang tranh chấp trong vụ án từ khoảng những năm 1972; từ khoảng năm 1989 – 1990 trường chuyển đi, anh và một số người đến khai phá để trồng cây. Thửa đất do anh và gia đình sử dụng ổn định liên tục từ đó đến nay, trong quá trình sử dụng có cho gia đình ông BS mượn đất nhưng không có tài liệu, văn bản cho mượn.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn TH trình bày: Đồng ý với trình bày của đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm TK và ý kiến trình bày của ông Nguyễn BT.

- Người bị kiện và đại diện của người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của bà Phạm TK làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK là có căn cứ pháp luật; bà TK là người cao tuổi nhưng bản án sơ thẩm buộc bà TK phải chịu án phí là chưa đúng theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TK, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 31/8/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK, sửa quyết định bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bà Phạm TK làm trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện có kháng cáo; có mặt 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn BT và bà Nguyễn TH; vắng mặt người bị kiện, người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện và 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn BS, bà Đỗ TM, bà Nguyễn HH, ông

Nguyễn B Th. Người khởi kiện có kháng cáo vắng mặt nhưng người đại diện theo uỷ quyền có mặt đề nghị xét xử, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính để tiến hành việc xét xử vụ án.

[1.3] Ngày 19/10/2020, bà Phạm TK khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003. Bản án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh TN là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 3, khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Phạm TK, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN:

Ngày 27/9/2019, UBND phường TĐ có Báo cáo số 79/BC-UBND và ngày 10/6/2020, UBND phường TĐ có Văn bản số 143/BC-UBND về việc xác minh nội dung đơn đề nghị thu hồi Giấy CNQSD đất số Y 195200 ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK, trú tại: tổ 1, phường TĐ, thành phố TN. Ngày 11/6/2020, UBND thành phố TN có Thông báo số 224/TB-UBND về việc Giấy CNQSD đất cấp không đúng pháp luật. Ngày 25/8/2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố TN có Tờ trình số 1433/TTr-TNMT về việc thu hồi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất và ngày 03/9/2020, UBND thành phố TN ban hành Quyết định số 7980/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK.

Như vậy, Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 được UBND thành phố TN ban hành là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[2.2] Về nội dung giải quyết của quyết định bị kiện.

[2.2.1] Về nguồn gốc, hiện trạng và đối tượng sử dụng thửa đất: Căn cứ Biên bản làm việc ngày 03/7/2012; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư ngày 27/9/2019; Biên bản hội nghị ngày 27/9/2019 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định: Thửa đất số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, diện tích 256 m² tại phường TĐ, thành phố TN có nguồn gốc ban đầu là nhà ở của sinh viên Trường Đại học XX sử dụng từ năm 1972 đến năm 1989, sau đó bàn giao cho UBND phường TT (cũ),

nay là phường TĐ quản lý. Năm 1991 ông Nguyễn BS (bà Đỗ TM) đã dọn dẹp, sử dụng thửa đất trên để trồng khoai, sắn sau đó trồng mơ và sử dụng ổn định, liên tục từ năm 1991 cho đến nay. Hiện trạng trên đất có một số loại cây lâu năm như mít, nhãn, bưởi do ông Nguyễn BS và bà Đỗ TM trồng. Hộ gia đình bà Phạm TK (ông Nguyễn BT) không sử dụng thửa đất này.

[2.2.2] Năm 2003, bà Phạm TK kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất kèm theo là đơn tường trình nguồn gốc sử dụng đất; UBND phường TT (nay là phường TĐ) kiểm tra, xác định nguồn gốc đất do gia đình bà TK khai hoang năm 1973. Tuy nhiên, quá trình cấp Giấy CNQSD đất cho bà TK không có biên bản kiểm tra xác minh thực tế, thực địa mà chỉ căn cứ vào hồ sơ kê khai của bà TK dẫn tới việc UBND thành phố TN công nhận thửa số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, phường TĐ, thành phố TN trong Giấy CNQSD đất số Y 195200 ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK là không đúng nguồn gốc và đối tượng sử dụng đất; không đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSD đất theo quy định của pháp luật.

[2.2.3] Bà Phạm TK và người đại diện theo uỷ quyền trình bày thửa đất này gia đình bà TK khai hoang từ năm 1973 là không có căn cứ vì thửa đất này do Trường Đại học XX quản lý, sử dụng từ năm 1973 đến năm 1989 bàn giao cho UBND phường TT (nay là phường TĐ) quản lý và bà TK không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc khai phá nên không có căn cứ chấp nhận. Bà Phạm TK và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn BT trình bày thửa đất này là đất của gia đình cho gia đình ông Nguyễn BS mượn sử dụng từ năm 1991, đồng thời yêu cầu ông Nguyễn BS (bà Đỗ TM) trả lại nhưng không có các giấy tờ chứng minh việc cho mượn đất nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.4] Căn cứ Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ; điểm 4b, Chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính thì hộ gia đình bà Phạm TK không được công nhận và không được cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 160, tờ bản đồ địa chính số 10, phường TĐ, thành phố TN.

[2.2.5] Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm TK trình bày Giấy CNQSD đất số Y 195200, ngày 22/9/2003 UBND thành phố TN cấp theo Luật Đất đai năm 2003 nhưng khi thu hồi lại căn cứ theo Luật Đất đai năm 2013 là chưa đúng và việc thu hồi Giấy CNQSD đất của bà Phạm TK do UBND thành phố TN thực hiện khi chưa có Kết luận Thanh tra cùng cấp, văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực pháp luật là chưa đúng. Xét thấy UBND thành phố TN áp dụng Luật Đất đai năm 2013, là luật đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm thu hồi Giấy CNQSD đất của bà TK là đúng pháp luật. Trong quá trình thực hiện quản lý về đất đai, xét thấy việc cấp Giấy CNQSD đất cho bà TK là chưa đúng đối tượng sử dụng đất nên UBND thành phố TN ra quyết định thu hồi là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2.6] Như vậy, UBND thành phố TN ban hành Quyết định số 7980/QĐ-

UBND ngày 03/9/2020 về việc thu hồi Giấy CNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền; xác định đúng về nguồn gốc, đối tượng quản lý, sử dụng thửa đất số 160 tờ bản đồ địa chính số 10, phường TĐ, thành phố TN. Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK là có căn cứ pháp luật.

[3] Người khởi kiện bà Phạm TK, sinh năm 1943 là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn án phí; bản án sơ thẩm buộc bà Phạm TK phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm. Vi phạm này của cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm TK; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK, sửa quyết định của bản án sơ thẩm về phần án phí như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm TK, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK, sửa quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh TN về phần án phí như sau:

1. Áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 3 Nghị định số 04/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ; Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ; điểm 4b Chương 2 Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục Địa chính; xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm TK về việc yêu cầu hủy Quyết định số 7980/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND thành phố TN về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền

với đất số Y 195200 cấp ngày 22/9/2003 mang tên bà Phạm TK sử dụng tại phường TĐ, thành phố TN.

- Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho bà Phạm TK.

2. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm TK.

3. Hoàn trả cho bà Phạm TK số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0008995 ngày 15/01/2021 và số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0000046 ngày 10/9/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh TN.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh TN;
- TAND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng